

Hợp đồng số:

--	--	--	--	--	--	--	--

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật có liên quan về cung cấp sử dụng dịch vụ Viễn thông của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu của các Bên.

Chúng tôi gồm:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):			
Người đại diện:		Chức vụ:	
Địa chỉ:			
Điện thoại:		Fax:	
Tài khoản số:		Mở tại:	
Email nhận thông báo cước:			
Số điện thoại nhận thông báo cước:			
Mã số thuế:			
Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT			
Người đại diện:			
Chức vụ:			
Theo giấy ủy quyền số:		của	
Địa chỉ giao dịch:			
Điện thoại:		Fax:	
Số tài khoản:		Tại ngân hàng:	
Mã số thuế:			

Hai Bên thoả thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ điện thoại với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1.1. Bên B cung cấp dịch vụ điện thoại trên nền tảng IP cho Bên A chi tiết như sau:

1.1.1. Loại dịch vụ cung cấp:

- <Dịch vụ điện thoại cố định: là dịch vụ thông tin liên lạc bằng mạng điện thoại cố định được thiết lập trong phạm vi địa giới hành chính của một Tỉnh/Thành phố, hoặc giữa các Tỉnh/Thành phố, hoặc các nước với nhau>
- <Tổng đài ảo: là một hệ thống chuyển mạch dựa trên nền tảng phần mềm chia sẻ tài nguyên phần cứng, giúp cho các đầu cuối gọi cho nhau và gọi ra ngoài trên một số đường thuê bao của các nhà cung cấp.>
- <Thoại hội nghị: là dịch vụ cung cấp kết nối thoại đa điểm để thực hiện các cuộc họp từ xa của nhiều người tham gia với nhau.>
- <Dịch vụ 1800: 1800 (tollfree) là dịch vụ miễn cước ở người gọi đến, cho phép các thuê bao bên ngoài thực hiện cuộc gọi không tính cước đến số đích 1800 đã đăng ký thống nhất trên toàn mạng, toàn quốc.>

1.1.2. Chất lượng dịch vụ:

- Tuân theo QCVN 35:2011/BTTTT được xây dựng trên cơ sở soát xét, chuyển đổi Tiêu chuẩn ngành TCN 68-176: 2006 "Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất - Tiêu chuẩn chất

lượng" ban hành theo Quyết định số 29/2006/QĐ-BBCVT ngày 5 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Các quy định kỹ thuật và phương pháp xác định của QCVN 35: 2011/BTTTT phù hợp với các Khuyến nghị của Liên minh Viễn thông Thế giới (ITU).

- QCVN 35:2011/BTTTT do Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2011/QĐ-BTTTT ngày 26 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.1.3. Chi phí khởi tạo dịch vụ

STT	Dịch vụ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng tiền (VNĐ)
1.	Điện thoại cố định					
2.	Tổng đài ảo					
3.	Thoại hội nghị					
4.	Dịch vụ 1800					
5.	...					

1.2. Địa chỉ lắp đặt:

.....
.....

ĐIỀU 2: GIÁ CƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Thông báo cước: chậm nhất đến ngày 10 (mười) mỗi tháng, Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo cước điện thoại sử dụng phát sinh trong tháng trước bằng thư điện tử tới địa chỉ email và tin nhắn văn bản đến số điện thoại di động của đại diện Bên A, do Bên A cung cấp. Đồng thời từ ngày 5 (năm) đến ngày 10 (mười) hàng tháng, Bên B sẽ phát hành Hóa đơn điện tử cho phần cước phát sinh do Bên A sử dụng trong tháng liền trước tương ứng với thông tin trong thông báo cước. Bên A hoàn toàn có thể sử dụng tài khoản và mật khẩu mà Bên B cung cấp riêng cho Bên A (qua địa chỉ email nhận thông báo cước do Bên A cung cấp) để truy cập trang Hóa đơn điện tử tại địa chỉ <https://member.fpt.vn> và tải về Hóa đơn điện tử này để làm chứng từ thanh toán và cũng xem như một trong các hình thức thông báo cước. Trường hợp đến hết ngày 10 (mười) mà Bên A vẫn chưa nhận được (hoặc không truy cập được) bất kỳ hình thức thông báo cước nào nêu trên, Bên A có quyền thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Bên B (email, điện thoại,...) để yêu cầu Bên B khắc phục ngay..

2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản cước phát sinh trong tháng cho Bên B chậm nhất đến hết ngày 22 (hai mươi hai) của tháng nhận thông báo cước. Nếu Bên A không thanh toán đầy đủ và đúng hạn, trong vòng 01 (một) ngày sau đó, Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo yêu cầu thanh toán và thông báo việc sẽ thực hiện tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ của Bên A nếu việc thanh toán vẫn chưa diễn ra chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Bên B gửi thông báo nêu trên (hình thức thông báo bằng email, tin nhắn văn bản qua điện thoại di động). Trong thời gian tạm ngừng Bên A vẫn phải thanh toán cước phí của các tháng trước đó và các khoản chi phí thuê bao, thiết bị và dịch vụ hàng tháng (nếu có) để phục hồi lại dịch vụ.

2.3. Giá cước dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Trường hợp có thay đổi về giá cước trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B phải thông báo cho Bên A trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày áp dụng. Trường hợp Bên A không đồng ý với giá cước mới, Bên A có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên B trước ít nhất 03 (ba) ngày từ thời điểm mức cước mới dự kiến được áp dụng. Trong trường hợp này, Bên A chỉ phải thanh toán phí cho phần dịch vụ mà Bên A đã sử dụng tính đến thời điểm chấm dứt.

2.4. Bên A có trách nhiệm thanh toán cước phí đầy đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí thanh toán phát sinh để đảm bảo rằng Bên B luôn nhận đủ số tiền cước phí ghi trên hoá đơn. Trong trường hợp không thanh toán đúng hạn, ngoài việc phải thanh toán toàn bộ khoản nợ hiện tại cho Bên B, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B số tiền phạt bằng 0,1% giá trị khoản nợ hiện tại cho mỗi ngày chậm thanh toán.

2.5. Hình thức thanh toán:

<input type="checkbox"/> Chuyển khoản qua ngân hàng ○Vietcombank ○Khác.....
- Người thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT
- Số tài khoản: Tại ngân hàng..... – chi nhánh:.....
<input type="checkbox"/> Tiền mặt

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1. Quyền của Bên A:

- 3.1.1** Được đảm bảo sử dụng các dịch vụ tại Điều 1 theo đúng tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và/hoặc do Bên B công bố.
- 3.1.2** Được giải thích, hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
- 3.1.3** Được đơn phương chấm dứt hoặc tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đang sử dụng khi có yêu cầu bằng văn bản được gửi trước 03 (ba) ngày cho Bên B. Trong trường hợp tạm ngừng dịch vụ, thời gian để tạm ngừng dịch vụ mà Bên A đề nghị không được quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc. Trong trường hợp đơn phương chấm dứt sử dụng dịch vụ, Bên A phải hoàn trả toàn bộ giá trị khuyến mại, thiết bị mà Bên B cho Bên A thuê hoặc mượn (nếu có) và thanh toán đầy đủ cước phí sử dụng tính đến thời điểm chấm dứt cho Bên B.
- 3.1.4** Được thay đổi địa chỉ sử dụng hoặc đổi số thuê bao đang sử dụng trong khả năng thực hiện của Bên B khi cần thiết.
- 3.1.5** Được ủy quyền hoặc chuyển quyền sử dụng dịch vụ cho người khác nhưng phải thông báo trước cho Bên B ít nhất 30 (ba mươi) ngày và phải được sự chấp nhận của Bên B.
- 3.1.6** Được quyền khiếu nại về giá cước hoặc chất lượng dịch vụ hay các vi phạm khác của Bên B theo quy định của pháp luật về Viễn thông.
- 3.1.7** Được thông báo, giải thích kịp thời về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc bị gián đoạn các thông tin trong các trường hợp bất khả kháng (theo Điều 5 Hợp đồng này) bằng các hình thức như email, điện thoại, văn bản....
- 3.1.8** Được hoàn trả các khoản tiền kí quỹ, đặt cọc còn lại (nếu có) khi chấm dứt Hợp đồng.

3.2. Nghĩa vụ của Bên A

- 3.2.1** Thực hiện đúng các quy định về pháp luật, hướng dẫn của Bên B cùng các thỏa thuận đã cam kết tại Hợp đồng này trong quá trình sử dụng dịch vụ và thiết bị.
- 3.2.2** Không sử dụng đường truyền điện thoại cố định trên nền tảng IP và các dịch vụ đã được Bên B cung cấp để cung cấp lại cho bên thứ ba mà chưa có sự chấp nhận bằng văn bản của Bên B.
- 3.2.3** Không được tự ý thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị và số điện thoại sử dụng dịch vụ khi chưa có văn bản chấp thuận của Bên B.
- 3.2.4** Thanh toán hóa đơn tính cước phát sinh hàng tháng của dịch vụ điện thoại cố định trên nền tảng IP đầy đủ và đúng hạn. Nếu làm hư hỏng hoặc mất thiết bị đầu cuối Bên A thuê của Bên B thì thanh toán ngay cho Bên B khoản bồi thường tương ứng với giá trị thiệt hại đã gây ra vào cùng kỳ thu cước của tháng phát sinh.
- 3.2.5** Không sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng với tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên B đưa ra.
- 3.2.6** Thực hiện đúng các quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B khi có yêu cầu: tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.
- 3.2.7** Cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết vẫn phải thanh toán cước phí và thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp đồng trừ trường hợp Bên A khiếu nại do Bên B không thực hiện đúng Hợp đồng.
- 3.2.8** Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ còn lại cho Bên B khi chấm dứt Hợp đồng hoặc khi có vi phạm mà Bên B phải đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.

3.2.9 Chịu trách nhiệm bảo mật tên truy cập và mật khẩu của tài khoản người dùng để tra cứu cước trực tuyến cũng như các thông tin bảo mật kỹ thuật khác do Bên B cung cấp.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

4.1. Quyền của Bên B

- 4.1.1** Có quyền đơn phương tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ nhưng phải báo cho Bên A biết trước 03 (ba) ngày (trừ điểm e khoản này) trong các trường hợp sau đây:
- Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cước hoặc bồi thường (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 2.2, Điều 2.4, Điều 3.2.4 của hợp đồng.
 - Bên A tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, quy cách sử dụng khi đã được Bên B thông báo.
 - Bên A kinh doanh lại đường dây điện thoại và/hoặc các dịch vụ cho Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.
 - Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng dịch vụ mà không có sự đồng ý bằng văn bản của hai Bên.
 - Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên B sẽ thực hiện theo thời gian được yêu cầu và sẽ gửi thông báo cho Bên A chậm nhất 01 (một) ngày làm việc sau đó.
- 4.1.2** Đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên B buộc phải áp dụng việc tạm ngừng dịch vụ đối với Bên A theo các điểm a, b, c, d tại khoản 4.1.1 trên mà Bên A vẫn không thực hiện các biện pháp như Bên B yêu cầu để sử dụng lại.

4.2. Nghĩa vụ của Bên B

- 4.2.1** Hoàn thành việc xây dựng dịch vụ điện thoại cố định theo yêu cầu của Bên A.
- 4.2.2** Bảo mật thông tin liên quan đến Bên A bao gồm tên, địa chỉ, số máy gọi, số máy được gọi, vị trí máy gọi, vị trí máy được gọi, thời gian gọi và thông tin riêng khác mà Bên A đã cung cấp, không được chuyển giao thông tin của Bên A cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được sự đồng ý của Bên A trừ trường hợp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật Viễn thông hiện hành.
- 4.2.3** Hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
- 4.2.4** Hướng dẫn cho Bên A các quy trình thủ tục để Bên A thực hiện các quyền: tạm ngưng, chấm dứt hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.
- 4.2.5** Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của bên A liên quan đến cước phí dịch vụ, vấn đề cung cấp và sử dụng dịch vụ theo quy định pháp luật về Viễn thông trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được khiếu nại.
- 4.2.6** Thông báo, giải thích kịp thời cho Bên A biết mọi sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc gián đoạn thông tin vì lí do bất khả kháng (theo Điều 5 Hợp đồng này) bằng hình thức email, điện thoại, văn bản...
- 4.2.7** Hoàn trả các khoản ký quỹ, đặt cọc (nếu có) còn lại cho Bên A khi chấm dứt hợp đồng.
- 4.2.8** Cung cấp cho Bên A hoá đơn tài chính để bên A thanh toán đầy đủ các khoản mục theo đúng nội dung của Hợp đồng
- 4.2.9** Trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật do lỗi của Nhà cung cấp dịch vụ, đội ngũ kỹ thuật sẽ có mặt tại trụ sở của khách hàng trong vòng 02 giờ (nếu khách hàng ở nội thành) hoặc 04 giờ (nếu khách hàng ở ngoại thành) để hỗ trợ khách hàng xử lý sự cố.

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm: bùng nổ chiến tranh, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của Nhà nước Việt Nam, đình công, bãi công, hỏa hoạn, lũ lụt, cháy nổ, động đất, lốc xoáy, sóng thần, bão, các thiên tai khác, đứt cáp quang... Một Bên sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gì của Bên còn lại phát sinh từ việc

không thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào của Bên đó theo Hợp đồng nếu việc không thực hiện nghĩa vụ là kết quả của sự kiện bất khả kháng.

- 5.2.** Khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp đồng nếu việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng là có thể được.
- 5.3.** Nếu Sự Kiện Bất Khả Kháng không thể khắc phục trong vòng 40 (bốn mươi) ngày, thì một Bên bất kỳ có thể thông báo bằng văn bản trước 10 (mười) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt Hợp Đồng cho Bên còn lại để chấm dứt Hợp Đồng này.

ĐIỀU 6 : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1.** Hợp đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo pháp luật Việt Nam.
- 6.2.** Nếu có tranh chấp xảy ra, cả hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở thỏa thuận trong Hợp đồng. Trường hợp vẫn không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 7.1.1.** Bên A không còn nhu cầu sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng cho người khác. Trách nhiệm được xác định rõ trong biên bản thanh lý Hợp đồng.
- 7.1.2.** Do Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 4, khoản 4.1.1 Hợp đồng này. Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ và bồi thường (nếu có) cho bên B.
- 7.1.3.** Do Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 3, khoản 3.1.3 Hợp đồng này.
- 7.1.4.** Các trường hợp khác do Pháp luật quy định. Trách nhiệm của mỗi bên được áp dụng theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

7.2. Thời hạn chấm dứt Hợp đồng được xác định:

- 7.2.1.** Trong biên bản chấm dứt Hợp đồng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 7.1.1. của Hợp đồng này.
- 7.2.2.** Trong thông báo do Bên B lập gửi Bên A đối với các trường hợp quy định tại Khoản 7.1.2. của Hợp đồng này.
- 7.2.3.** Trong thông báo do Bên A lập gửi Bên B đối với các trường hợp quy định tại Khoản 7.1.3 của Hợp đồng này.
- 7.2.4.** Theo quy định phù hợp của pháp luật hiện hành đối với các trường hợp khác.

7.3. Nghĩa vụ khi chấm dứt Hợp đồng:

Sau khi hai bên thực hiện ký biên bản thanh lý Hợp đồng, Bên A phải thanh toán cho Bên B toàn bộ các khoản cước phí chưa thanh toán đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng xác định tại Khoản 7.2, khoản bồi thường và các chi phí phát sinh khác (nếu có). Đồng thời, Bên A phải thực hiện bàn giao thiết bị cho Bên B và ký biên bản bàn giao thu hồi thiết bị (nếu Bên A có thuê/mượn thiết bị do Bên B cung cấp) trong thời hạn từ thời điểm chấm dứt đến chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc sau đó.

ĐIỀU 8 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng, Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- 8.2.** Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Bên A kí vào Biên bản bàn giao quyền sử dụng dịch vụ của Bên B, hoặc nhận chuyển quyền sử dụng từ một thuê bao sẵn có. Các phiếu yêu cầu, biên bản nghiệm thu, bàn giao hoặc bản phụ lục bổ sung sau này (nếu có) sẽ là một bộ phận không thể tách rời trong Hợp đồng.
- 8.3.** Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)